

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+P7	7:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
2		P5+P1	7:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
3		PVD2	7:25	22	0		22	0	
4		AMD+TTC1+RC3	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 3TTC1-RC3
5		P4	9:25	21	0		22	0	
6		HSD+P3	9:25	4+15	0+0		3+16	0+0	THẢO GHẾ CHỖ HÀNG p3
7		P1+RP3	9:25	17+0	0+0		18+4	0+0	
8		PVD2+P1+P5	11:25	18+0+2	0+0+0		6+13+3	0+0+0	
9		AMD+TGT1+TGT4	11:25	14+3+2	0+0+0		9+3+4	0+0+0	
10		P2+P7	11:25	13+4	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P5-3ng, P7-4ng, Bk15 (PVD2) -3 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2022	TO: P4 - P7	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	P4	23	1	3		75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XÁ	P4	24	1	6		70	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	P4	25-26	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
4	MARZIEV M. M.	P4	27	1	8		80	KH-THAC	Russian
5	VLASOV A. M.	P4					92	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN VĂN VINH	P4					91	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ BẢO AN	P4	29	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO MINH TUẤN	P4	28	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CÂN	P7	51	1	4	110	61	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN MẠNH	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC TOÀN	P7					88	KH-THAC	Vietnamese
12	PHƯƠNG THỊ THANH ĐỨC	P7	61	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THE DIEN	P7	60	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI THANH CAM	P7	58-59	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MẠNH CUONG	P7	62	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7	53	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TIEN HIEP	P7	69	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI CÔNG LAN	P7	55	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC SƠN	P7	54	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRỌNG NGHIA	P7	52	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	56-57	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	7	47	631	0	7		
2	P7	14	13	63	1.000	110	15		
TOTAL		22	20	110	1.631	110	22		
WEIGHT KG				110	1.631	110			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P5 - P1	CREW: TTrung - VLinH - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THỌ	P5	23	1	10		80	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU VĂN	P5	01	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	TÀ CAO BIÊN	P5	02	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	07	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔNG XUÂN SINH	P5	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	16	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	19	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	20	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG VĂN THANH	P5	04	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN ĐÌNH PHẠC	P5	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CAO MẠNH	P5	21	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HUY	P5	08-09	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	03	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	ĐÀO XUÂN THÀNH	P5	10	1	3		67	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TUNG	P1	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN LANH	P1	37	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	40	1	4	110	64	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN THẮNG	P1	39	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ NGỌC HAI	P1	41	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ DUY KHÁNH	P1					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	16	17	95	1.120	0	14		
2	P1	6	5	25	399	110	8		
TOTAL		22	22	120	1.519	110	22		
WEIGHT KG				120	1.519	110			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2022	TO: PVD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THẮNG	PVD2	60	1	4		65	DIEU HAN	Vietnamese
2	ĐỖ HIỆP PHÚ	PVD2	37	1	3		56	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH TUÂN	PVD2					70	DIEU HAN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC THANH CHUNG	PVD2	38	1	10	10	71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY TÚ	PVD2	42-43	2	13		72	PVDRILLIN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THANH	PVD2	35	1	7		80	PVDRILLIN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐÌNH	PVD2	51	1	7		80	PVDRILLIN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUNG	PVD2	48	1	7		85	PVDRILLIN	Vietnamese
9	VŨ HUY HÙNG	PVD2	52-53	2	15		82	PVDRILLIN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC ANH	PVD2	55	1	14		80	PVDRILLIN	Vietnamese
11	TRƯƠNG QUANG MINH	PVD2	50	1	12		65	PVDRILLIN	Vietnamese
12	VŨ VĂN QUỲNH	PVD2	39	1	5		69	PVDRILLIN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC CUÔNG	PVD2	46	1	10		66	PVDRILLIN	Vietnamese
14	BUI TUÂN VŨ	PVD2	49	1	9		67	PVDRILLIN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD2	36	1	8		67	PVDRILLIN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN SANG	PVD2	47	1	6		61	PVDRILLIN	Vietnamese
17	TRƯƠNG VĂN NGUYỄN	PVD2	44	1	8		50	PVDRILLIN	Vietnamese
18	GIANG VĂN TRINH	PVD2	45	1	10		80	PVDRILLIN	Vietnamese
19	HOÀNG MINH PHÚC	PVD2	41	1	6		78	PVDRILLIN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG DOANH	PVD2	40	1	4		65	PVDRILLIN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRẦN BẢO	PVD2	54	1	5		78	PVDRILLIN	Vietnamese
22	ĐAM NGỌC TUÂN ANH	PVD2	56-57	2	15	20	65	PVDRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	24	178	1.552	30	22		
TOTAL		22	24	178	1.552	30	22		
WEIGHT KG				178	1.552	30			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: AMD - TTC1 - RC3	CREW: Linh - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU ANH HUNG	AMD	23-24	2	11		75	TLJOC	Vietnamese
2	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	28-29	2	7		69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THÈ HIỆN	AMD	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	22	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	98	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH NGƯ	AMD	27	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ PHAN NGỌC CHAU	AMD	26	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO BA THANH	AMD	99	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRI TRUNG	AMD	93	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	38-39	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	96-97	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU HỮU CHÍNH	AMD	94	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	95	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	21	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	25,600	2	15		86	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HUNG	AMD	31-32	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀNG VĂN BA	AMD	25	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TUÂN	AMD	36,90	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRUONG VAN BA	AMD	42-43	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN DAI NGHIA	AMD	40-41	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG HIẾU	AMD	23-24	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN LỢI	AMD	91-92	2	15		54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	33	210	1.517	0	19		CHUYEN 03 PAX TTCI SANG RC3
2	TTC1	0	0	0	0	40	0	2	
3	RC3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	33	210	1.517	40	19		
WEIGHT KG				210	1.517	40			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P4	CREW: VThắng - Mạnh - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ANH ĐỨC	P4	02-03	2	15	70	90	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN CHIẾN	P4	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG HỒNG VIỆT	P4	11	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HẬU	P4	16	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TAM THUY	P4	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÂM VĂN PHÚC	P4	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	04	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG KHẮC DU	P4	01	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	P4	704	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÂM XUÂN HAI	P4	10	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THÀNH NAM	P4	17	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	12	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY HIỆU	P4	18	1	14		80	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM MINH VŨ	P4	19-20	2	20		83	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ MẠNH HÙNG	P4	21-22	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THANH HÙNG	P4	706-707	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN DOÀN BÌNH	P4	06-09	4	20		65	YTE	Vietnamese
20	TRẦN THANH LIÊM	P4	705	1	6		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	26	176	1.431	70	22		
TOTAL		20	26	176	1.431	70	22		
WEIGHT KG				176	1.431	70			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/05/2022	TO: HSD - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THU	HSD	13	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG ĐỨC HUNG	HSD	14	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI CUÔNG	HSD	11-12	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HSD	15	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	ABDUL RASHID BIN RAIS	P3	95-96	2	17		85	THUANTIN	Singapore
6	PHẠM MINH CHAU	P3	93-94	2	12		65	THUANTIN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT CHÍNH	P3	300	1	5		65	THUANTIN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC XUAN	P3	91-92	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
9	SAGIROV M. S.	P3	87	1	8		70	KH-THAC	Russian
10	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	80	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P3	81-82	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ KHAI ĐẠT	P3	84-85	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHI BAO	P3	83	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	99	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG THANH	P3	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC LÂM	P3	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU KHOA	P3	88-89	2	7		70	GETRACO	Vietnamese
18	HỒ VĂN THAO	P3	86	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
19	ĐÌNH SONG HAI	P3	76-78	3	18		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	5	31	265	0	3		
2	P3	15	23	142	1.007	40	16		
TOTAL		19	28	173	1.272	40	19		
WEIGHT KG				173	1.272	40			

GRAND TOAL: 1.485 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P1 - RP3	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - thông	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					85	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI HUY NGHIỆP	P1	900	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	04	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TỰ	P1	03	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ HỮU CHUNG	P1	07	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH HAI	P1	11	1	10	35	72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG TIẾN	P1	99	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO ĐĂNG PHONG	P1	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	06	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	P1	01	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH HIẾU	P1	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	98	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ QUANG ANH	P1	08	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN KỶ	P1	95-96	2	18		67	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	93-94	2	12		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	18	136	1.179	35	18		
2	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		17	18	136	1.179	35	22		
WEIGHT KG				136	1.179	35			

GRAND TOAL: 1.350 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/05/2022	TO: PVD2 - P1 - P5	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Linh - CHIẾN - DTùng	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG THANH TÚ	PVD2	76-77	2	12	50	63	PVDRILLIN	Vietnamese
2	CAO ĐỨC ANH	PVD2	64	1	8		65	PVDRILLIN	Vietnamese
3	ĐINH VĂN LAM	PVD2	80	1	3		65	PVDRILLIN	Vietnamese
4	TÔNG VĂN ĐẠT	PVD2	79	1	5		61	PVDRILLIN	Vietnamese
5	BUI HUY HOANG	PVD2	78,81	2	12		79	PVDRILLIN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG VINH	PVD2	82	1	12		100	PVDRILLIN	Vietnamese
7	TRƯỜNG TÂN LỘC	PVD2	82	1	8		70	PVDRILLIN	Vietnamese
8	LẠI VĂN DIỆN	PVD2	84	1	10		81	PVDRILLIN	Vietnamese
9	DƯƠNG TUẤN ANH	PVD2	73-74	2	20		70	PVDRILLIN	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO HẠNH	PVD2	72	1	8		61	PVDRILLIN	Vietnamese
11	LẠI VĂN CƯỜNG	PVD2	67-68	2	20		64	PVDRILLIN	Vietnamese
12	TRẦN THANH PHƯƠNG	PVD2	65-66	2	20		70	PVDRILLIN	Vietnamese
13	HOÀNG TRUNG KIẾN	PVD2	69-70	2	18		69	PVD-BH	Vietnamese
14	PHAN QUANG HOÀNG	PVD2	71	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	PVD2	85	1	17		70	DVL	Vietnamese
16	LÊ PHÚ PHÚC	PVD2	75	1	7		82	DVL	Vietnamese
17	LÊ VĂN BAO	PVD2	63	1	14		60	DVL	Vietnamese
18	PHAN THANH TỈNH	PVD2	61-62	2	20		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG PHU	P5	25-27	3	20	40	75	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HOÀNG	P5	24	1	15		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

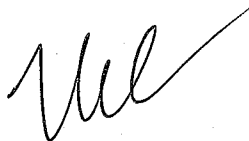
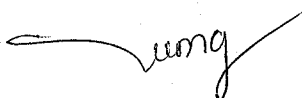
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	18	25	224	1.265	50	6		
2	P1	0	0	0	0	0	13		
3	P5	2	4	35	150	40	3		
TOTAL		20	29	259	1.415	90	22		
WEIGHT KG				259	1.415	90			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:20
FLIGHT:	TO: AMD - TGTH1 - TGTH4	CREW: CÔNG - HHai	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LỘC	AMD	63	1	10	20	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU ĐỨC	AMD	66-67	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NAM TRUNG	AMD	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	47-48	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	AMD	45	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG PHÚC PHI	AMD	53-54	2	10		67	HA VIỆT	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HẠNG	AMD	58-59	2	12		63	HA VIỆT	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HIỆU	AMD	49-50	2	12	53	54	HA VIỆT	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤN PHỤNG	AMD	51	1	10		76	HA VIỆT	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC LAM	AMD	52	1	9		65	HA VIỆT	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	60	1	11		52	HA VIỆT	Vietnamese
12	TRẦN MINH CƯỜNG	AMD	56-57	2	15		70	HA VIỆT	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤN VINH	AMD	55	1	10		57	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH1	84	1	13		95	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	89	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY LAM	TGTH1	90	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH DANH	TGTH4	05-06	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	03-04	2	17		100	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

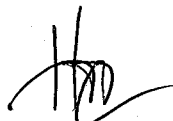
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	19	144	861	73	8		
2	TGTH1	3	3	31	227	0	3		
3	TGTH4	2	4	29	168	0	4		
TOTAL		18	26	204	1.256	73	15		
WEIGHT KG				204	1.256	73			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:40
FLIGHT:	TO: P2 - P7	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - thông	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THÔNG	P2	90	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯƠNG TÂN LỢI	P2	87	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN ĐẠT	P2	91-92	2	14		63	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG THẮNG LONG	P2	93-95	3	18		73	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MINH TÂM	P2	25-27	3	18		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN NGỌC TUẤN ANH	P2	23	1	10	20	78	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	P2	28	1	10	15	80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P2	96-98	3	18		75	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	31	1	7		52	PSV	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC NINH	P2	86	1	4		77	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CÂN	P2	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	PHẠM CÔNG THANH	P2	89	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	TRẦN MINH THUẬN	P2	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	TRẦN HỒNG GIANG	P7	71-72	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	73	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC CƯỜNG	P7	70	1	5		64	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TÌNH	P7	74	1	5		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	20	137	933	35	14		
2	P7	4	5	29	291	0	8		
TOTAL		17	25	166	1.224	35	22		
WEIGHT KG				166	1.224	35			

GRAND TOAL: 1.425 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

